TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/HNGĐ - ST
Ngày 11-9-2023
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Ngọc Luân.
2. Ông Trịnh Văn Dũng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Đinh Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu D, xã T, huyện S, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hà Thị Đ trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn N trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Kiệt, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận tại nhà bố mẹ đẻ anh Nam ở thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Hà Nam

đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N thường xuyên chơi cờ bạc, không quan tâm đến gia đình vợ con, mặc dù chị và gia đình đã rất nhiều lần khuyên bảo nhưng anh N vẫn không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh cãi chửi nhau. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên tháng 10/2016 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở khu D, xã T, huyện S, tỉnh Phú Thọ sinh sống, đầu năm 2017 chị đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan (Trung Quốc), đến đầu năm 2023 khi hết hạn hợp đồng lao động trở về nước chị cũng không về chung sống với anh N mà tiếp tục sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 10/2016 đến nay không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Phạm Văn N, đồng thời nhiều lần triệu tập anh N đến trụ sở Tòa án để giải quyết về việc chị Đ xin ly hôn anh, nhưng anh N đều cố tình vắng mặt. Tòa án đã đến tận nhà anh N tại thôn T, xã S, huyện K để xác minh và được ông Phạm Xuân N là bố đẻ anh Nam cùng bà Lê Thị D là mẹ đẻ anh N cung cấp: Anh Phạm Văn N và chị Hà Thị Đ được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2006 tại Uỷ ban nhân dân xã Thạch Kiệt, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn là thực tế, đến năm 2017 do kinh tế gia đình khó khăn nên chị Đ có đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan (Trung Quốc), sau khi hết hạn hợp đồng lao động chị Đ về nước nhưng không về chung sống với anh N nữa. Ông N và bà D đều khẳng định anh N đi làm ăn tự do và vẫn đi về thăm gia đình thường xuyên. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông bà đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Tòa án đối với anh N, ngay sau mỗi lần nhận ông bà đều thông báo trực tiếp cho anh N biết. Tuy nhiên, anh N có đến Tòa án làm việc hay không thì ông bà không nắm được.

Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng cũng đã tiến hành làm việc với chính quyền địa phương xã S, huyện K và được chính quyền địa phương cung cấp: Anh Phạm Văn N là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã S, huyện K và vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương. Theo địa phương được biết, việc mâu thuẫn vợ chồng anh N, chị Đ xảy ra là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau và anh chị đã li thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đ được ly hôn anh N theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Đ xác định chị và anh N có một con chung là Phạm Thị Th, sinh ngày 12/10/2007, hiện nay cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được

nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu anh N phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về con riêng: Chị Đ xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị Đ xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Đ, xử cho ly hôn giữa chị Hà Thị Đ và anh Phạm Văn N. Giao cháu Phạm Thị Th cho chị Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn là chị Hà Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Phạm Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Đ và anh Phạm Văn N là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 25/12/2006 tại Uỷ ban nhân dân xã Thạch Kiệt, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung với nhau trong việc làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh N; còn anh N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa để giải quyết việc ly hôn. Theo xác minh tại địa phương và người thân của anh N thì mâu thuẫn vợ chồng chị Đ, anh N xảy ra là thực tế, anh chị li thân nhau đã lâu, khả năng

hàn gắn tình cảm để anh chị đoàn tụ là rất khó. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa chị Đ và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị Đ được ly hôn anh N là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị Đ và anh N có một con chung là Phạm Thị Th, sinh ngày 12/10/2007, hiện nay đang ở với chị Đ. Xét thấy bản thân cháu Th là con gái đang ở lứa tuổi dậy thì nên cần được mẹ chăm sóc, dậy dỗ sẽ đảm bảo tốt nhất đối với sự phát triển toàn diện của cháu, nguyện vọng của cháu Th cũng muốn được ở với mẹ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cho chị Đ được quyền nuôi dưỡng cháu Th, anh N không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị Đ là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng:* Chị Đ xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị Đ xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Hà Thị Đ và anh Phạm Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Th, sinh ngày 12/10/2007 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ.

Chị Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Hà Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002124 ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị Đ đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Thạch Kiệt, H. Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ (nơi cấp ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo